

BỘ CÂU HỎI – ĐÁP
NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI GIAO DỊCH LIÊN KẾT

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Câu 1. Nghị định số 255/2026/NĐ-CP quy định về nội dung gì?

Trả lời:

Nghị định số 255/2026/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết.

Nghị định quy định các nội dung chủ yếu liên quan đến nguyên tắc quản lý thuế; xác định quan hệ liên kết; kê khai, xác định giá giao dịch liên kết; cơ sở dữ liệu; Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết; Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia và trách nhiệm của cơ quan thuế, người nộp thuế cùng các cơ quan có liên quan.

Câu 2. Nghị định số 255/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ thời điểm nào?

Trả lời:

Nghị định số 255/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2026.

Doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết cần căn cứ quy định của Nghị định để thực hiện kê khai, xác định giá giao dịch liên kết và các nghĩa vụ có liên quan từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2026.”

Câu 3. Nghị định số 255/2026/NĐ-CP có thay thế toàn bộ các quy định trước đây về giao dịch liên kết không?

Trả lời:

Nghị định số 255/2026/NĐ-CP về cơ bản kế thừa các quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2025/NĐ-CP.

Bên cạnh các nội dung được kế thừa, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm bảo đảm thống nhất với Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, mức độ tương thích với các nguyên tắc và thông lệ quốc tế về quản lý thuế và giao dịch liên kết, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn và khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với thực tiễn quản lý thuế và các tiêu chuẩn quốc tế.

Câu 4. Những doanh nghiệp nào cần quan tâm đến Nghị định số 255/2026/NĐ-CP?

Trả lời:

Doanh nghiệp cần quan tâm đến Nghị định nếu có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết theo quy định.

Các trường hợp thường gặp gồm doanh nghiệp có quan hệ sở hữu, góp vốn, điều hành, kiểm soát; giao dịch với công ty mẹ, công ty con, doanh nghiệp cùng tập đoàn; giao dịch vay, cho vay, mượn, cho mượn, bảo lãnh hoặc các giao dịch khác với bên liên kết.

Doanh nghiệp là thành viên của tập đoàn đa quốc gia cũng cần rà soát nghĩa vụ liên quan đến Hồ sơ toàn cầu và Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia.

Câu 5. Điểm mới về nguyên tắc quản lý thuế đối với giao dịch liên kết là gì?

Trả lời:

Nghị định sửa đổi, bổ sung nguyên tắc cơ quan thuế quản lý, kiểm tra đối với giá giao dịch liên kết theo hướng dẫn chiểu đến nguyên tắc áp dụng trong quản lý thuế tại khoản 4 Điều 6 và nguyên tắc kiểm tra thuế tại khoản 1 Điều 22 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

Việc sửa đổi nhằm bảo đảm các quy định về quản lý, kiểm tra giá giao dịch liên kết thống nhất với Luật Quản lý thuế.

Câu 6. Nghị định bổ sung, hoàn thiện những thuật ngữ nào?

Trả lời:

Nghị định bổ sung, hoàn thiện các thuật ngữ:

- Công ty mẹ tối cao;
- Hiệp định thuế;
- Giao dịch liên kết;
- Hồ sơ quốc gia;
- Hồ sơ toàn cầu;
- Tình trạng không thực hiện trao đổi thông tin một cách hệ thống.

Việc hoàn thiện các thuật ngữ nhằm bảo đảm thống nhất với quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung, Luật Quản lý thuế và các văn bản pháp luật có liên quan.

II. XÁC ĐỊNH QUAN HỆ LIÊN KẾT

Câu 7. Nghị định bổ sung nội dung gì về giao dịch mượn, cho mượn?

Trả lời:

Nghị định bổ sung giao dịch mượn, cho mượn vào trường hợp xác định quan hệ liên kết, tương tự giao dịch vay, cho vay.

Theo đó, doanh nghiệp có phát sinh giao dịch vay, cho vay, mượn, cho mượn ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc cá nhân có quan hệ theo quy định thì phải xem xét xác định quan hệ liên kết.

Câu 8. Vì sao giao dịch mượn, cho mượn được bổ sung vào tiêu chí xác định quan hệ liên kết?

Trả lời:

Trước đây, quy định mới tập trung vào giao dịch vay, cho vay mà chưa quy định rõ đối với giao dịch mượn, cho mượn.

Việc bổ sung nhằm phản ánh đầy đủ bản chất giao dịch tài chính, khắc phục vướng mắc trong thực tiễn và bảo đảm việc xác định quan hệ liên kết không phụ thuộc đơn thuần vào tên gọi của giao dịch.

Câu 9. Giao dịch mượn, cho mượn không tính lãi có phải xem xét xác định quan hệ liên kết không?

Trả lời:

Có.

Nghị định không quy định việc xác định quan hệ liên kết trong trường hợp này phụ thuộc vào việc giao dịch có tính lãi hay không. Doanh nghiệp phải căn cứ vào việc xác định quan hệ liên kết rồi dẫn tới phát sinh giao dịch liên kết từ đó xác định nghĩa vụ thuế đối với các giao dịch liên kết tương đương với các giao dịch độc lập có cùng điều kiện.

Câu 10. Ngưỡng giao dịch vay, cho vay, mượn, cho mượn để xem xét quan hệ liên kết được xác định như thế nào?

Trả lời:

Ngưỡng giao dịch được xác định từ 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế.

Doanh nghiệp cần căn cứ vốn góp của chủ sở hữu tại đúng thời điểm giao dịch phát sinh, không căn cứ chung vào số vốn tại cuối năm nếu số liệu đã thay đổi.

Câu 11. Trường hợp nào tổ chức mua, bán, xử lý nợ do Nhà nước sở hữu 100% vốn không bị xác định là bên liên kết?

Trả lời:

Chủ nợ hoặc bên bảo lãnh là tổ chức do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, có chức năng mua, bán, xử lý nợ không bị xác định là bên liên kết nếu không trực tiếp hoặc gián tiếp:

- Điều hành;
- Kiểm soát;
- Góp vốn;
- Đầu tư vào doanh nghiệp bên nợ hoặc doanh nghiệp được bảo lãnh.

Câu 12. Doanh nghiệp cần đáp ứng điều kiện gì để áp dụng trường hợp không xác định quan hệ liên kết với tổ chức xử lý nợ?

Trả lời:

Doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại điểm d.3 khoản 2 Điều 5 Nghị định, gồm:

- Chủ nợ hoặc bên bảo lãnh là tổ chức do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Tổ chức có chức năng mua, bán, xử lý nợ;
- Tổ chức không trực tiếp hoặc gián tiếp điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào doanh nghiệp bên nợ hoặc doanh nghiệp được bảo lãnh.

III. CƠ SỞ DỮ LIỆU TRONG XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Câu 13. Nghị định bổ sung nguồn cơ sở dữ liệu nào?

Trả lời:

Nghị định bổ sung Cơ sở dữ liệu quốc gia vào các nguồn dữ liệu được sử dụng trong kê khai, xác định và quản lý giá giao dịch liên kết.

Việc bổ sung nhằm mở rộng nguồn dữ liệu tin cậy để người nộp thuế và cơ quan có thẩm quyền sử dụng trong phân tích, so sánh giao dịch liên kết.

Câu 14. Nghị định quy định thứ tự ưu tiên sử dụng cơ sở dữ liệu như thế nào?

Trả lời:

Cơ sở dữ liệu được ưu tiên sử dụng theo thứ tự:

1. Cơ sở dữ liệu được công bố công khai;
2. Cơ sở dữ liệu thương mại;
3. Cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế.

Việc sử dụng dữ liệu phải bảo đảm nguyên tắc phân tích, so sánh giao dịch liên kết theo quy định.

Câu 15. Vì sao Nghị định quy định thứ tự ưu tiên sử dụng cơ sở dữ liệu?

Trả lời:

Quy định về thứ tự ưu tiên nhằm:

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch;
- Tăng tính thống nhất trong lựa chọn nguồn dữ liệu;
- Hạn chế khác biệt giữa người nộp thuế và cơ quan thuế;
- Tạo thuận lợi trong phân tích, so sánh giao dịch liên kết.

Câu 16. Người nộp thuế có được sử dụng cơ sở dữ liệu thương mại ngay từ đầu không?

Trả lời:

Người nộp thuế phải thực hiện theo thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị định.

Theo đó, cơ sở dữ liệu được công bố công khai được ưu tiên trước; sau đó mới đến cơ sở dữ liệu thương mại và cuối cùng là cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế.

Việc lựa chọn cơ sở dữ liệu phù hợp với bản chất của từng phương pháp xác định giá giao dịch liên kết và áp dụng phù hợp về nguyên tắc ưu tiên lựa chọn cơ sở dữ liệu.

Câu 17. Cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế được sử dụng khi nào?

Trả lời:

Cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế là nguồn dữ liệu được sử dụng sau cơ sở dữ liệu được công bố công khai và cơ sở dữ liệu thương mại, theo thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị định.

Việc sử dụng phải tuân thủ quy định của Luật Quản lý thuế và bảo đảm nguyên tắc phân tích, so sánh giao dịch liên kết.

IV. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Câu 18. Quyền của người nộp thuế trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết được thực hiện theo quy định nào?

Trả lời:

Quyền của người nộp thuế trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết được thực hiện theo khoản 1 Điều 37 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các quy định có liên quan tại Nghị định số 255/2026/NĐ-CP.

Câu 19. Nghĩa vụ của người nộp thuế trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết được thực hiện theo quy định nào?

Trả lời:

Nghĩa vụ của người nộp thuế được thực hiện theo khoản 2 Điều 37 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các quy định tại Nghị định.

Người nộp thuế có trách nhiệm kê khai, xác định giá giao dịch liên kết; lập, lưu giữ, cung cấp hồ sơ và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin.

Câu 20. Doanh nghiệp có thể thuê tổ chức kinh doanh làm thủ tục về thuế lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết không?

Trả lời:

Có.

Nghị định quy định người nộp thuế có thể sử dụng tổ chức kinh doanh làm thủ tục về thuế để lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo quy định.

Câu 21. Khi thuê tổ chức lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết, doanh nghiệp có còn chịu trách nhiệm không?

Trả lời:

Có.

Việc thuê tổ chức kinh doanh làm thủ tục về thuế hoặc tổ chức tư vấn không làm thay đổi nghĩa vụ và trách nhiệm của người nộp thuế. Doanh nghiệp vẫn chịu trách nhiệm về thông tin, tài liệu, số liệu kê khai và Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

V. BÁO CÁO LỢI NHUẬN LIÊN QUỐC GIA

Câu 22. Nghị định sửa đổi căn cứ xác định ngưỡng doanh thu lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia như thế nào?

Trả lời:

Ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu được xác định căn cứ vào doanh thu của năm tài chính liền kề trước năm báo cáo.

Trước đây, ngưỡng doanh thu được căn cứ vào doanh thu hợp nhất toàn cầu trong kỳ tính thuế.

Câu 23. Ngưỡng doanh thu lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo Nghị định là bao nhiêu?

Trả lời:

Ngưỡng doanh thu lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia được xác định theo mức tương đương từ 750 triệu Euro.

Quy định này thay cho ngưỡng từ 18.000 tỷ đồng trở lên trước đây.

Câu 24. Vì sao ngưỡng doanh thu được quy định theo mức tương đương 750 triệu Euro?

Trả lời:

Việc quy định theo mức tương đương 750 triệu Euro nhằm:

- Phù hợp với hướng dẫn của OECD tại Hành động BEPS 13;
- Hạn chế ảnh hưởng của biến động tỷ giá;
- Bảo đảm thống nhất với thông lệ quốc tế về Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia.

Câu 25. Tỷ giá quy đổi ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu được xác định như thế nào?

Trả lời:

Tỷ giá quy đổi được xác định theo tỷ giá trung tâm hoặc trung bình tỷ giá tính chéo của tháng 12 trong năm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

Câu 26. Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đã được nộp tại nước ngoài thì doanh nghiệp tại Việt Nam có đương nhiên được miễn nộp không?

Trả lời:

Không.

Doanh nghiệp tại Việt Nam chỉ không phải nộp Báo cáo khi đáp ứng trường hợp cụ thể theo Nghị định, như Báo cáo đã được trao đổi tự động cho cơ quan thuế Việt Nam hoặc được tổ chức thay mặt nộp và đáp ứng đầy đủ điều kiện.

Câu 27. Trường hợp Báo cáo đã được trao đổi tự động cho Việt Nam thì doanh nghiệp tại Việt Nam có phải nộp lại không?

Trả lời:

Không phải nộp lại nếu Báo cáo đã được trao đổi tự động cho cơ quan thuế Việt Nam theo Thỏa thuận của Nhà chức trách có thẩm quyền và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Câu 28. Tổ chức thay mặt nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia là gì?

Trả lời:

Tổ chức thay mặt nộp là thành viên của tập đoàn đa quốc gia được công ty mẹ tối cao chỉ định để lập và nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia thay cho tập đoàn.

Việc chỉ định và nộp Báo cáo phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định.

Câu 29. Trường hợp nào doanh nghiệp tại Việt Nam không phải nộp Báo cáo do có tổ chức thay mặt nộp?

Trả lời:

Doanh nghiệp tại Việt Nam không phải nộp Báo cáo nếu tổ chức thay mặt nộp đã được chỉ định hợp lệ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và đáp ứng các điều kiện về trao đổi thông tin theo quy định.

Nếu không đáp ứng đủ điều kiện, doanh nghiệp tại Việt Nam phải nộp Báo cáo theo quy định tại Nghị định.

Câu 30. Nghị định bổ sung trường hợp miễn nộp Báo cáo do sự khác biệt giữa các quốc gia như thế nào?

Trả lời:

Nghị định bổ sung trường hợp không phải nộp Báo cáo tại Việt Nam khi phát sinh sự khác biệt về:

- Ngưỡng doanh thu;
- Đồng tiền quy đổi;
- Nguyên tắc xác định doanh thu giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ, nếu đáp ứng điều kiện theo quy định.

Câu 31. Trường hợp nào công ty mẹ tối cao không phải lập Báo cáo tại nước cư trú nhưng doanh nghiệp tại Việt Nam phải nộp?

Trả lời:

Khi công ty mẹ tối cao không có nghĩa vụ lập và nộp Báo cáo tại nước nơi công ty mẹ cư trú, người nộp thuế tại Việt Nam có thể phát sinh nghĩa vụ nộp Báo cáo theo quy định của Nghị định.

Câu 32. Khi nào tình trạng không thực hiện trao đổi thông tin một cách hệ thống làm phát sinh nghĩa vụ nộp Báo cáo tại Việt Nam?

Trả lời:

Nghĩa vụ nộp Báo cáo tại Việt Nam chỉ phát sinh khi:

- Có tình trạng không thực hiện trao đổi thông tin một cách hệ thống; và
- Tình trạng này đã được thông báo cho người nộp thuế.

Câu 33. Điều kiện bảo mật thông tin có liên quan thế nào đến nghĩa vụ nộp Báo cáo tại Việt Nam?

Trả lời:

Người nộp thuế chỉ phải nộp Báo cáo tại Việt Nam khi Việt Nam đáp ứng các yêu cầu về:

- Bảo mật thông tin;
- Tính nhất quán;
- Sử dụng thông tin đúng mục đích.

Việc đáp ứng các điều kiện này được công khai trên Trang thông tin điện tử của ngành Thuế.

Câu 34. Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia được nộp theo định dạng nào?

Trả lời:

Báo cáo được lập theo định dạng XML đã được mã hóa và nộp qua Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Câu 35. Thời hạn nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia là khi nào?

Trả lời:

Thời hạn nộp Báo cáo chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính của công ty mẹ tối cao của năm báo cáo.

Doanh nghiệp căn cứ năm tài chính của công ty mẹ tối cao, không căn cứ năm tài chính của doanh nghiệp tại Việt Nam nếu hai năm tài chính khác nhau.

Câu 36. Thông báo về đối tượng nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia được thực hiện theo mẫu nào?

Trả lời:

Thông báo được thực hiện theo Mẫu số 01/TB-BCLN ban hành kèm theo Nghị định số 255/2026/NĐ-CP.

Câu 37. Thông báo về đối tượng nộp Báo cáo phải nộp bao nhiêu lần?

Trả lời:

Thông báo được nộp một lần khi lần đầu phát sinh nghĩa vụ liên quan đến Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.

Trường hợp thông tin thay đổi, người nộp thuế phải nộp Thông báo cập nhật.

Câu 38. Thời hạn nộp Thông báo lần đầu và Thông báo cập nhật là khi nào?

Trả lời:

Thời hạn nộp Thông báo lần đầu chậm nhất là ngày kết thúc năm tài chính của công ty mẹ tối cao của năm báo cáo.

Trường hợp có thay đổi thông tin, kể cả chấm dứt nghĩa vụ nộp Báo cáo, Thông báo cập nhật phải được nộp chậm nhất 90 ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.

VI. MIỄN LẬP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Câu 39. Điểm mới về trường hợp miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết là gì?

Trả lời:

Nghị định điều chỉnh điều kiện miễn lập Hồ sơ theo hướng:

- Nâng ngưỡng doanh thu của người nộp thuế lên mức dưới 500 tỷ đồng;
- Bỏ tiêu chí “kinh doanh với chức năng đơn giản”;
- Tiếp tục áp dụng các điều kiện còn lại theo quy định.

Việc sửa đổi nhằm mở rộng đối tượng người nộp thuế có rủi ro thấp được miễn lập Hồ sơ và giảm chi phí tuân thủ.

Câu 40. Được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết có đồng nghĩa được miễn kê khai giao dịch liên kết không?

Trả lời:

Không.

Miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết không đồng nghĩa với miễn:

- Xác định quan hệ liên kết;
- Kê khai giao dịch liên kết;
- Áp dụng nguyên tắc giao dịch độc lập;
- Chịu trách nhiệm về thông tin đã kê khai.

Người nộp thuế phải tự xác định và chịu trách nhiệm về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện được miễn lập Hồ sơ.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN THUẾ VÀ HỖ TRỢ TUÂN THỦ

Câu 41. Cơ quan thuế có được sử dụng Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia để điều chỉnh giá giao dịch liên kết không?

Trả lời:

Không.

Nghị định quy định cơ quan thuế không sử dụng Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia để điều chỉnh hoặc ấn định giá giao dịch liên kết.

Báo cáo được sử dụng để quản lý rủi ro, trao đổi thông tin và phục vụ các mục đích quản lý thuế phù hợp với quy định, cam kết quốc tế.

Câu 42. Nghị định quy định như thế nào về chương trình hỗ trợ tuân thủ tự nguyện?

Trả lời:

Cơ quan thuế xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ tự nguyện đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết trên cơ sở:

- Quản lý rủi ro;
- Khả năng đáp ứng của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Thuế;
- Quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Câu 43. Cơ quan thuế có thể công bố tỷ suất lợi nhuận ngành để hỗ trợ người nộp thuế không?

Trả lời:

Có.

Cơ quan thuế căn cứ dữ liệu kê khai của người nộp thuế để công bố tỷ suất lợi nhuận ngành theo từng lĩnh vực, địa bàn hoặc nhóm người nộp thuế nhằm hỗ trợ kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo nguyên tắc giao dịch độc lập.

Câu 44. Thông tin doanh nghiệp cung cấp khi tham gia chương trình hỗ trợ tuân thủ có được bảo mật không?

Trả lời:

Có.

Cơ quan thuế có trách nhiệm bảo mật thông tin, dữ liệu do người nộp thuế cung cấp khi tham gia chương trình hỗ trợ tuân thủ tự nguyện theo quy định của pháp luật.

Câu 45. Các bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm gì trong quản lý thuế đối với giao dịch liên kết?

Trả lời:

Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm:

- Phối hợp tuyên truyền về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết;
- Cung cấp thông tin theo chức năng quản lý chuyên ngành;
- Kết nối, chia sẻ dữ liệu;
- Phối hợp với cơ quan thuế trong quản lý doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

PHẦN VIII: ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Câu 46. Chi phí lãi vay đang được chuyển tiếp theo Nghị định số 20/2025/NĐ-CP được xử lý như thế nào?

Trả lời:

Doanh nghiệp thuộc đối tượng được chuyển tiếp chi phí lãi vay theo Điều 3 Nghị định số 20/2025/NĐ-CP tiếp tục được chuyển tiếp trong thời gian còn lại theo quy định.

Quy định này nhằm bảo đảm tính liên tục của chính sách và quyền lợi của người nộp thuế.

Câu 47. Doanh nghiệp cần lưu ý gì khi tiếp tục chuyển tiếp chi phí lãi vay?

Trả lời:

Doanh nghiệp cần:

- Xác định đúng số chi phí lãi vay còn được chuyển tiếp;
- Theo dõi thời gian chuyển tiếp còn lại;
- Bảo đảm số liệu thống nhất giữa hồ sơ khai thuế, sổ kế toán và báo cáo tài chính;
- Thực hiện chuyển tiếp đúng điều kiện và thời hạn theo quy định.

IX. NHỮNG VIỆC DOANH NGHIỆP CẦN CHỦ ĐỘNG THỰC HIỆN

Câu 48. Doanh nghiệp cần làm gì để thực hiện đúng Nghị định số 255/2026/NĐ-CP?

Trả lời:

Doanh nghiệp cần chủ động

- Rà soát toàn bộ quan hệ liên kết;
- Rà soát các giao dịch vay, cho vay, mượn, cho mượn;
- kê khai đầy đủ, chính xác các giao dịch liên kết phát sinh;
- Xác định nghĩa vụ lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết;
- Rà soát nghĩa vụ Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia;
- Thực hiện thông báo, nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đúng thời hạn;
- Theo dõi các thông tin công khai và hướng dẫn của cơ quan thuế.

Câu 49. Doanh nghiệp thuộc tập đoàn đa quốc gia cần trao đổi với công ty mẹ những thông tin gì?

Trả lời:

Doanh nghiệp cần trao đổi, thu thập tối thiểu các thông tin:

- Công ty mẹ tối cao;
- Nước hoặc vùng lãnh thổ cư trú của công ty mẹ tối cao;
- Năm tài chính của công ty mẹ tối cao;
- Doanh thu hợp nhất toàn cầu;
- Nghĩa vụ lập Báo cáo tại nước ngoài;
- Tổ chức thay mặt nộp Báo cáo;
- Cơ chế trao đổi tự động với Việt Nam;
- Các thay đổi ảnh hưởng đến nội dung Thông báo đã nộp để cập nhật thông tin cho cơ quan thuế chậm nhất 90 ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.

Câu 50. Thông điệp quan trọng nhất đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết là gì?

Trả lời:

Doanh nghiệp cần chủ động nhận diện đúng quan hệ liên kết, kê khai đầy đủ thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết; lập, lưu trữ hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo đúng quy định; rà soát nghĩa vụ liên quan đến Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia; phân tích so sánh giá giao dịch liên kết phải tuân thủ nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế.

Việc chủ động tuân thủ giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro về thuế, tăng tính minh bạch và bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định.

LƯU Ý

Bộ câu hỏi – đáp này được sử dụng phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Trường hợp nội dung trình bày khái quát khác với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật thì thực hiện theo quy định tại:

- Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;
- Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ;
- Các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.